CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

VIMCERTS 241 | ilac-MRA | AOSC VLAT-1.0596

Số/No: 23.04.2369/13-1	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*06/04/2023* *Trang/Page: 1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Khu vực văn phòng mỏ
Địa chỉ/ *Address* : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Loại mẫu/ *Type of sample* : Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí xung quanh
Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KX.032901
Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 29/03/2023
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 30/03/2023 – 05/04/2023
Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp lấy mẫu *Sampling method*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	58,8	≤70	-
2	Nhiệt độ	^{0}C	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(*)	28,0	-	-
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(*)	65,3	-	-
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ(*)	0,2	-	-
5	Bụi	µg/m^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(*)	115,7	-	**300**
6	NO_2	µg/m^3	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009(*)	40,5	-	**200**
7	SO_2	µg/m^3	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995(*)	49,1	-	**350**
8	CO	µg/m^3	HDLM-KK01	HDPT-KK01(*)	3.884	-	**30.000**

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Số/No: 23.04.2369/13-2	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*06/04/2023* *Trang/Page: 1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Khu vực dân cư phía Tây mỏ (X=1222 628; Y=620 100)
Địa chỉ/ *Address* : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Loại mẫu/ *Type of sample* : Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí xung quanh
Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KX.032902
Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 29/03/2023
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 30/03/2023 – 05/04/2023
Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp lấy mẫu *Sampling method*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	54,6	≤70	-
2	Nhiệt độ	^{0}C	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(*)	31,7	-	-
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(*)	69,6	-	-
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ(*)	0,3	-	-
5	Bụi	µg/m^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(*)	120,5	-	**300**
6	NO_2	µg/m^3	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009(*)	46,0	-	**200**
7	SO_2	µg/m^3	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995(*)	57,2	-	**350**
8	CO	µg/m^3	HDLM-KK01	HDPT-KK01(*)	4.194	-	**30.000**

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Số/No: 23.04.2369/13-3	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*06/04/2023* *Trang/Page: 1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Khu vực trên đường ĐT 746 ngã 3 đoạn vào mỏ (X=1222 798; Y=618 749)
Địa chỉ/ *Address* : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Loại mẫu/ *Type of sample* : Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí xung quanh
Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KX.032903
Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 29/03/2023
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 30/03/2023 – 05/04/2023
Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp lấy mẫu *Sampling method*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	56,9	≤70	-
2	Nhiệt độ	^{0}C	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(*)	32,0	-	-
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(*)	70,3	-	-
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ(*)	0,4	-	-
5	Bụi	µg/m^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(*)	135,1	-	**300**
6	NO_2	µg/m^3	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009(*)	69,6	-	**200**
7	SO_2	µg/m^3	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995(*)	87,8	-	**350**
8	CO	µg/m^3	HDLM-KK01	HDPT-KK01(*)	4.755	-	**30.000**

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy. Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Số/No: 23.04.2369/13-4	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*06/04/2023* *Trang/Page:1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Khu vực sân công nghiệp (X=1222 081; Y=620 803)
Địa chỉ/ *Address* : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Loại mẫu/ *Type of sample* : Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí môi trường lao động
Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KL.032901
Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 29/03/2023
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 30/03/2023 – 05/04/2023
Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Thoáng, các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp lấy mẫu *Sampling method*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(a)	70,1	-	-	≤85	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(a)	32,9	-	-	-	18-32
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(a)	71,6	-	-	-	40-80
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ(a)	0,3	-	-	-	0,2-1,5
5	Bụi Silic	mg/m^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995+ SMEWW 4500SiO_2B(**)	0,120	0,3	-	-	-
6	Bụi	mg/m^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(a)	1,01	8	-	-	-
7	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009(a)	0,475	-	10	-	-
8	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995(a)	0,728	-	10	-	-
9	CO	mg/m^3	HDLM-KK01	HDPT-KK01(a)	6,60	-	40	-	-

Ghi chú/ *Note:*
(**):Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động./ Subcontracted test by Consultancy Center of Occupational Safety Health and Environmental Technology (COSHET).
(a): Chỉ tiêu được công nhận theo quyết định 6686/STY-NVY.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Số/No: 23.04.2369/13-5	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	06/04/2023 Trang/Page:1/1

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Khu vực moong khai thác (X=1222 872; Y=620 963)
Địa chỉ/ *Address* : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Loại mẫu/ *Type of sample* : Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí môi trường lao động
Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KL.032902
Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 29/03/2023
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 30/03/2023 – 05/04/2023
Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Thoáng, các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp lấy mẫu *Sampling method*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018[a]	70,7	-	-	≤85	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT[a]	33,2	-	-	-	18-32
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT[a]	73,6	-	-	-	40-80
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ[a]	0,3	-	-	-	0,2-1,5
5	Bụi Silic	mg/m³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995+ SMEWW 4500SiO_2B[**]	0,089	0,3	-	-	-
6	Bụi	mg/m³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995[a]	0,950	8	-	-	-
7	NO_2	mg/m³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009[a]	0,414	-	10	-	-
8	SO_2	mg/m³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995[a]	0,681	-	10	-	-
9	CO	mg/m³	HDLM-KK01	HDPT-KK01[a]	6,18	-	40	-	-

Ghi chú/ *Note:*
(**):Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động./ Subcontracted test by Consultancy Center of Occupational Safety Health and Environmental Technology (COSHET).
(a): Chỉ tiêu được công nhận theo quyết định 6686/STY-NVY.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Số/No: 23.04.2369/13-6	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*06/04/2023* *Trang/Page: 1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Khu vực phía Đông SCN (X=1222 000; Y=620 945)
Địa chỉ/ *Address* : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Loại mẫu/ *Type of sample* : Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí môi trường lao động
Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KL.032903
Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 29/03/2023
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 30/03/2023 – 05/04/2023
Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Thoáng, các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp lấy mẫu *Sampling method*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(a)	72,7	-	-	≤85	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(a)	32,8	-	-	-	18-32
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(a)	70,7	-	-	-	40-80
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ(a)	0,4	-	-	-	0,2-1,5
5	Bụi Silic	mg/m^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995+ SMEWW 4500SiO_2B(**)	0,061	0,3	-	-	-
6	Bụi	mg/m^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(a)	0,862	8	-	-	-
7	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009(a)	0,375	-	10	-	-
8	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995(a)	0,640	-	10	-	-
9	CO	mg/m^3	HDLM-KK01	HDPT-KK01(a)	5,96	-	40	-	-

Ghi chú/ *Note:*
(**):Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động./ Subcontracted test by Consultancy Center of Occupational Safety Health and Environmental Technology (COSHET).
(a): Chỉ tiêu được công nhận theo quyết định 6686/STY-NVY.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

Số/No: 23.04.2369/13-7	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*06/04/2023* *Trang/Page: 1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Đường vận chuyển nội mỏ (X=1222 555; Y=620 839)
Địa chỉ/ *Address* : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Loại mẫu/ *Type of sample* : Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí môi trường lao động
Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KL.032904
Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 29/03/2023
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 30/03/2023 – 05/04/2023
Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Thoáng, các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp lấy mẫu *Sampling method*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(a)	71,5	-	-	≤85	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(a)	32,0	-	-	-	18-32
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(a)	69,8	-	-	-	40-80
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ(a)	0,5	-	-	-	0,2-1,5
5	Bụi Silic	mg/m^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995+ SMEWW 4500SiO_2B(**)	0,049	0,3	-	-	-
6	Bụi	mg/m^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(a)	0,623	8	-	-	-
7	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009(a)	0,317	-	10	-	-
8	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995(a)	0,584	-	10	-	-
9	CO	mg/m^3	HDLM-KK01	HDPT-KK01(a)	5,66	-	40	-	-

Ghi chú/ *Note:*
(**):Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động./ Subcontracted test by Consultancy Center of Occupational Safety Health and Environmental Technology (COSHET).
(a): Chỉ tiêu được công nhận theo quyết định 6686/STY-NVY.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

ISO 9001:2015

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Số/No: 23.04.2369/13-8	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	*06/04/2023* *Trang/Page: 1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : KV hố thu nước khai trường (X=1221 934; Y=620 991)
Địa chỉ/ *Address* : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước thải
Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NT.032903
Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 29/03/2023
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 30/03/2023 – 05/04/2023
Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT B
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	7,28	**5,5 – 9**
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	16	**100**
3	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	27	**50**
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017(*)	63	**150**
5	NH_4^+_N	mg/L	TCVN 6179-1:1996(*)	2,01	**10**
6	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008(*)	0,959	**6**
7	Fe	mg/L	SMEWW 3500FeB:2017(*)	0,882	**5**
8	As	mg/L	TCVN 6626:2000(**)	KPH (MDL=0,00065)	**0,1**
9	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,00013)	**0,1**
10	Zn	mg/L	TCVN 6193:1996(**)	KPH (MDL=0,015)	**3**
11	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,0021)	**0,5**
12	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017(*)	2,25	**10**
13	*Coliform*	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	2.700	**5.000**

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
(**):Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động./ Subcontracted test by Consultancy Center of Occupational Safety Health and Environmental Technology (COSHET).
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Số/No: 23.04.2369/13-9	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*06/04/2023* *Trang/Page: 1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Hố lắng phía Tây mỏ (X=1222 842; Y=620 782)
Địa chỉ/ *Address* : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước thải
Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NT.032904
Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 29/03/2023
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 30/03/2023 – 05/04/2023
Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT B
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	7,19	**5,5 – 9**
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	11	**100**
3	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	18	**50**
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017(*)	37	**150**
5	NH_4^+_N	mg/L	TCVN 6179-1:1996(*)	1,45	**10**
6	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008(*)	0,720	**6**
7	Fe	mg/L	SMEWW 3500FeB:2017(*)	0,664	**5**
8	As	mg/L	TCVN 6626:2000(**)	KPH (MDL=0,00065)	**0,1**
9	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,00013)	**0,1**
10	Zn	mg/L	TCVN 6193:1996(**)	KPH (MDL=0,015)	**3**
11	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,0021)	**0,5**
12	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017(**)	1,76	**10**
13	*Coliform*	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	2.400	**5.000**

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
(**):Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động./ Subcontracted test by Consultancy Center of Occupational Safety Health and Environmental Technology (COSHET).
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Số/No: 23.04.2369/13-10	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*06/04/2023* *Trang/Page: 1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Khu vực văn phòng (X=1221 995; Y=620 687)
Địa chỉ/ *Address* : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước dưới đất
Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NN.032901
Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 29/03/2023
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 30/03/2023 – 05/04/2023
Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-14:2018

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 09-MT: 2015/BTNMT
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	6,54	**5,5 – 8,5**
2	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)	mg/L	SMEWW 2340C:2017(*)	58,0	**500**
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	KPH (MDL=3)	**-**
4	As	mg/L	TCVN 6626:2000(**)	KPH (MDL=0,00065)	**0,05**
5	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,0021)	**0,01**
6	Hg	mg/L	TCVN 7877:2008(**)	KPH (MDL=0,00025)	**0,001**
7	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,00013)	**0,005**
8	Zn	mg/L	TCVN 6193:1996(**)	KPH (MDL=0,015)	**3**
9	Sn	mg/L	SMEWW 3111B:2017(**)	KPH	**-**
10	Clorua	mg/L	TCVN 6180:1996(*)	30,2	**250**
11	Fe	mg/L	SMEWW 3500FeB:2017(*)	0,997	**5**
12	SO_4^{2-}	mg/L	SMEWW 4500SO_4^{2-}.E:2017(*)	24,5	**400**
13	*E. Coli*	MPN/100mL	SMEWW 9221F:2017(*)	KPH (MDL=2)	**KPH**
14	*Coliform*	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	KPH (MDL=2)	**3**

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
(**):Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động./ Subcontracted test by Consultancy Center of Occupational Safety Health and Environmental Technology (COSHET).
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

Số/No: 23.04.2369/13-11	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*06/04/2023* *Trang/Page: 1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Khu dân cư phía Tây mỏ (X=1221 731; Y=620 389)
Địa chỉ/ *Address* : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước dưới đất
Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NN.032902
Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 29/03/2023
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 30/03/2023 – 05/04/2023
Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-14:2018

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 09-MT: 2015/BTNMT
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	6,49	**5,5 – 8,5**
2	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)	mg/L	SMEWW 2340C:2017(*)	65,0	**500**
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	KPH (MDL=3)	**-**
4	As	mg/L	TCVN 6626:2000(**)	KPH (MDL=0,00065)	**0,05**
5	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,0021)	**0,01**
6	Hg	mg/L	TCVN 7877:2008(**)	KPH (MDL=0,00025)	**0,001**
7	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,00013)	**0,005**
8	Zn	mg/L	TCVN 6193:1996(**)	KPH (MDL=0,015)	**3**
9	Sn	mg/L	SMEWW 3111B:2017(**)	KPH	**-**
10	Clorua	mg/L	TCVN 6180:1996(*)	38,1	**250**
11	Fe	mg/L	SMEWW 3500FeB:2017(*)	0,765	**5**
12	SO_4^{2-}	mg/L	SMEWW 4500SO_4^{2-}.E:2017(*)	21,7	**400**
13	*E. Coli*	MPN/100mL	SMEWW 9221F:2017(*)	KPH (MDL=2)	**KPH**
14	*Coliform*	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	KPH (MDL=2)	**3**

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
(**):Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động./ Subcontracted test by Consultancy Center of Occupational Safety Health and Environmental Technology (COSHET).
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Dương Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

Số/No: 23.04.2369/13-12	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*06/04/2023* *Trang/Page: 1/2*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Khu vực rạch Rớ cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn (X=1222 608; Y=618 912)

Địa chỉ/ *Address* : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước mặt

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NM.032901

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 29/03/2023

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 30/03/2023 – 05/04/2023

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994-1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT – CỘT B_1
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	6,96	**5,5 – 9**
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016(*)	5,08	**≥ 4**
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	10	**50**
4	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-2:2008(*)	12	**15**
5	COD	mg/L	SMEWW 5220B:2017(*)	23	**30**
6	NH_4^+_N	mg/L	TCVN 6179-1:1996(*)	0,259	**0,9**
7	NO_2^-_N	mg/L	SMEWW 4500NO_2^-.B:2017(*)	KPH (MDL=0,004)	**0,05**
8	NO_3^-_N	mg/L	TCVN 6180:1996(*)	2,74	**10**
9	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008(*)	0,886	**-**
10	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017(*)	KPH (MDL=0,3)	**1**
11	Fe	mg/L	SMEWW 3500FeB:2017(*)	0,460	**1,5**
12	Zn	mg/L	TCVN 6193:1996(**)	KPH (MDL=0,015)	**1,5**
13	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2017(**)	KPH (MDL=0,016)	**0,5**
14	As	mg/L	TCVN 6626:2000(**)	KPH (MDL=0,00065)	**0,05**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

Số/No: 23.04.2369/13-12	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*06/04/2023* *Trang/Page:2/2*

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT – CỘT B_1
15	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,0021)	**0,05**
16	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,00013)	**0,01**
17	*Coliform*	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	1.400	**7.500**

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
(**):Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động./ Subcontracted test by Consultancy Center of Occupational Safety Health and Environmental Technology (COSHET).
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

Số/No: 23.04.2369/13-13	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*06/04/2023* *Trang/Page:1/2*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Sông Đồng Nai vị trí tiếp nhận nước từ rạch Rớ (X=1222 270; Y=618 489)

Địa chỉ/ *Address* : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước mặt

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NM.032902

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 29/03/2023

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 30/03/2023 – 05/04/2023

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994-1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT – CỘT B_1
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	7,08	**5,5 – 9**
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016(*)	5,43	**≥ 4**
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	7	**50**
4	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-2:2008(*)	10	**15**
5	COD	mg/L	SMEWW 5220B:2017(*)	18	**30**
6	NH_4^+_N	mg/L	TCVN 6179-1:1996(*)	0,195	**0,9**
7	NO_2^-_N	mg/L	SMEWW 4500NO_2^-.B:2017(*)	KPH (MDL=0,004)	**0,05**
8	NO_3^-_N	mg/L	TCVN 6180:1996(*)	3,02	**10**
9	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008(*)	0,656	**-**
10	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017(*)	KPH (MDL=0,3)	**1**
11	Fe	mg/L	SMEWW 3500FeB:2017(*)	0,371	**1,5**
12	Zn	mg/L	TCVN 6193:1996(**)	KPH (MDL=0,015)	**1,5**
13	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2017(**)	KPH (MDL=0,016)	**0,5**
14	As	mg/L	TCVN 6626:2000(**)	KPH (MDL=0,00065)	**0,05**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

Số/No: 23.04.2369/13-13	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*06/04/2023* *Trang/Page:2/2*

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT – CỘT B_1
15	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,0021)	**0,05**
16	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,00013)	**0,01**
17	*Coliform*	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	1.100	**7.500**

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
(**):Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động./ Subcontracted test by Consultancy Center of Occupational Safety Health and Environmental Technology (COSHET).
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy. Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn